PHỤ LỤC F

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

AN TOÀN LAO ĐỘNG

MSHP: 350012

1. Thông tin chung (General information):

Loại học phần	*Số tín chỉ*	*Số giờ dự giảng*	*Giờ tự học và giờ học khác*
Đại cương ☒ Cơ sở ☐ Chuyên ngành ☐	Lý thuyết: 02 Thực hành: 00	Lý thuyết: 30 Thực hành: 00	70

***Đối tượng học*:**

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Công nghệ thực phẩm

Chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm

Học kỳ: II Năm thứ: 01

Điều kiện tham gia học phần:

Học phần tiên quyết	Không có
Học phần song hành	Không có
Các yêu cầu khác	

2. Nguồn học liệu (Learning resources):

Giáo trình/ Tài liệu học tập chính	Diệp Thành Toàn, 2013. *Bài giảng An toàn lao động và vệ sinh mội trường*. Trường Đại học Trà Vinh.
Tài liệu tham khảo thêm	[1] Nguyễn Thế Đạt. (2006). *Giáo trình An toàn lao động*. Nhà xuất bản giáo dục (vị trí tài liệu 363.100711 / Đ112) [2] Quyền Huy Ánh. (2011). *Giáo trình an toàn điện*. NXB Đại học Quốc gia TP.HCM (vị trí tài liệu

	621.310289 / A100) [3] Võ Văn Bé. (2018). *Luật an toàn, vệ sinh lao động*. NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội (vị trí tài liệu 344.5970465 / L504)
Các loại học liệu khác	

3. Mô tả học phần (Course description):

Học phần giúp trang bị cho sinh viên có những hiểu biết và nắm vững những tác hại trong công việc và sự nguy hiểm khi sử dụng các thiết bị máy móc trong sản xuất. Cách phòng tránh các tác động có hại, ngăn ngừa tai nạn lao động trong sản xuất, biết cách chăm sóc sức khỏe, mang lại hạnh phúc cho bản thân để phục vụ cho sản xuất công việc sau này. Giúp sinh viên hiểu và nắm vững những tác hại liên quan đến an toàn lao động như: ánh sáng, tiếng ồn, khí hậu, các chất độc, vệ sinh công nghiệp, vận hành máy móc thiết bị, sử dụng điện. Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về ý thức làm việc, tự học tập.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes):

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể:

	Chuẩn đầu ra của học phần	**Đáp ứng CĐR của CTĐT**	**Trình độ năng lực**	**TUA**
❖ ***Về kiến thức:***				
CELO 1	Phân tích các vấn đề ảnh hưởng đến vệ sinh lao động và an toàn lao động	PLO 4; 5	3	TUA
CELO 2	Trình bày nguyên lý hoạt động máy móc và kỹ thuật an toàn lao động	PLO 1	3	TUA
❖ ***Về kỹ năng*** *(bao gồm kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm)*				
CELO 3	Phân tích các tình huống gây mất an toàn lao động trong sản xuất	PLO 4; 5	2	TUA
CELO 4	Giải quyết các vấn đề đảm bảo an toàn	PLO 8	2	TUA

	trong lao động thực tiễn.			
❖ ***Về thái độ:***				
CELO 5	Xây dựng tính kỷ luật, tác phong công nghiệp	PLO 9	3	TUA
CELO 6	Phát huy khả năng làm việc nhóm, tự tin hợp tác với đồng nghiệp	PLO 10	3	TUA

Lưu ý: Trình độ năng lực và TUA phải khớp với Phụ lục B.II.2 - Ma trận các học phần và CĐR CTĐT

5. Nội dung học phần (Course content)

Nội dung	**CĐR học phần**	**Số giờ**		**Giờ tự học và giờ học khác**
		LT	**TH**	
Chương 1. Khái niệm an toàn lao động (ATLĐ) và bảo hộ lao động (BHLD)		**02**	**00**	**00**
1.1 Những khái niệm cơ bản	CELO 1			
1.2 Mục đích, ý nghĩa, tính chất BHLĐ	CELO 1			
1.3 Những nội dung chủ yếu của công tác BHLĐ	CELO 1; 5			
Kỹ năng mềm và thái độ	- Kỹ năng thảo luận làm việc nhóm - Tính tư duy trong giải quyết vấn đề - Tính tự giác trong học tập			
Chương 2. Kỹ thuật vệ sinh lao động (VSLĐ)		**08**	**00**	**20**

2.1 Những vấn đề chung về kỹ thuật VSLĐ	CELO 1; 2			
2.2 Vi khí hậu	CELO 1; 3; 4			
2.3 Tiếng ồn và rung động trong sản xuất	CELO 1; 2; 3; 4; 5; 6			
2.4 Phòng chống bụi trong sản xuất	CELO 1; 2; 3; 4; 5; 6			
2.5 Kỹ thuật thông gió	CELO 1; 2; 3; 4; 5; 6			
2.6 Chiếu sáng trong sản xuất	CELO 1; 2; 3; 4; 5; 6			
Kỹ năng mềm và thái độ	- Kỹ năng thảo luận làm việc nhóm - Tính tư duy trong giải quyết vấn đề - Tính tự giác trong học tập			
Chương 3. Kỹ thuật an toàn lao động		**16**	**00**	**30**
3.1 Kỹ thuật an toàn điện	CELO 1; 2; 3; 4; 5; 6			
3.2 Kỹ thuật an toàn hóa chất	CELO 1; 2; 3; 4; 5; 6			
3.3 Kỹ thuật an toàn sinh học	CELO 1; 2; 3; 4; 5; 6			
3.3 Kỹ thuật an toàn cơ khí thiết bị chịu áp lực, thiết bị nâng	CELO 1; 2; 3; 4; 5; 6			
3.4 Kỹ thuật an toàn phòng cháy chữa cháy	CELO 1; 2; 3; 4; 5; 6			

Kỹ năng mềm và thái độ	- Kỹ năng thảo luận làm việc nhóm - Tính tư duy trong giải quyết vấn đề - Tính cẩn thận khi làm thí nghiệm - Tính tự giác trong học tập			
Chương 4. Luật pháp chế độ chính sách về ATLĐ và BHLĐ		**04**	**00**	**20**
4.1 Hệ thống luật pháp, chế độ chính sách BHLĐ Việt Nam	CELO 1; 4; 5			
4.2 Những nội dung an toàn VSLĐ trong Bộ luật lao động	CELO 1; 4; 5			
4.3 Hệ thống tiêu chuẩn, quy phạm về an toàn VSLĐ và kỹ thuật ATLĐ	CELO 1; 4; 5			
Kỹ năng mềm và thái độ	- Kỹ năng thảo luận làm việc nhóm - Tính tư duy trong giải quyết vấn đề - Tính tự giác trong học tập			

6. Phương pháp dạy và học (Teaching and learning methods):

Giảng viên sử dụng Power point (có cung cấp trước bài giảng cho sinh viên) kết hợp với video mô tả hoạt động quá trình và thiết bị, thuyết trình cho sinh viên nắm rõ kiến thức. Sinh viên tương tác, trao đổi làm việc nhóm trên lớp hoặc có thể học và tương tác nội dung tại nhà trên hệ thống E-learning.

7. Đánh giá học phần (Course assessment):

	Hình thức đánh giá/thời gian	Nội dung đánh giá	CĐR của học phần	Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ %
Đánh giá quá trình	Thái độ học tập	- Điểm danh đến lớp. - Tham gia học tập trên hệ thống E-learing	CELO 5; 6	Theo rubric	10%
	Bài báo cáo seminar	Chương 1,2,3;4	CELO 1; 3; 4; 6	Theo rubric	20%
	Bài báo cáo thực hành	Chương 1,2,3	CELO 1; 3; 4; 6	Theo rubric	20%
Đánh giá kết thúc học phần	Kiểm tra viết (60 phút)	Kiến thức chương 1;2;3;4	CELO 1; 2; 3; 4	Theo đáp án đề kiểm tra	50%

8. Các quy định (Course requirements and expectation):

8.1. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp phải nghỉ học vì lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Sinh viên vắng quá 20% số tiết của học phần bị xem như không hoàn thành học phần và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau. Những trường hợp khác phải do Ban Giám hiệu hoặc Trưởng khoa quyết định.

8.2. Quy định về hành vi trong lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ qui định.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại để nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được sử dụng trên lớp với mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập. Tuyệt đối không dùng vào việc khác.

- Sinh viên vi phạm các nguyên tắc trên sẽ bị mời ra khỏi lớp và bị coi là vắng buổi học đó.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Trà Vinh.

9. Dự kiến danh sách cán bộ tham gia giảng dạy

STT	Họ tên	Trình độ	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Toàn	Thạc sĩ	
2	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Thạc sĩ	
3	Diệp Thành Toàn	Thạc sĩ	
4	Nguyễn Thành Tựu	Tiến sĩ	

Ngày phê duyệt: 25/5/2023

TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN	GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*	*(Ký và ghi rõ họ tên)*
		Nguyễn Đức Toàn
		GIẢNG VIÊN PHẢN BIỆN
		(Ký và ghi rõ họ tên)

Rubric: ASSESSMENT OF TECHNIQUE PRACTICE

Rubric 1: Assessment of participation attitude

Criteria	CELOs	PLOs	Scores (10 points)	Excellent 100%	Good 75%	Fair 50%	Fail 0%	Marking
Thái độ tham dự	CELO 5	PLO 9	**5**	Tham gia hoạt động tích cực	Thường xuyên tham gia hoạt động	Tham gia hoạt động ít liên quan hơn	Không tham gia hoạt động	
Chuẩn bị kế hoạch thực hiện	CELO 6	PLO 10	**5**	Hoàn toàn phù hợp, không cần điều chỉnh	Khá phù hợp, cần điều chỉnh một số từ ý kiến	Chưa phù hợp, cần điều chỉnh từ nhận xét	Không phù hợp, không điều chỉnh từ ý kiến	

Rubric 2: Assessment of report presentation

Criteria	CELOs	PLOs	Point/ Weight (%)	Assessment level			
				Excellent 100%	**Good** 75%	**Fair** 50%	**Fail** 0%
Content	CELO 1;	PLO 1; 4;	2	Nội dung đầy đủ, hay và nội dung, hình ảnh phù	Nội dung đầy đủ, hay và nội dung, hình ảnh liên	Khá đầy đủ (thiếu 1 nội dung quan trọng)	Chưa đầy đủ (Thiếu nhiều nội dung quan

	2; 3; 4	8		hợp, minh họa, logic, thu hút người xem)	quan, minh họa)		trọng)
Report presentation	CELO 5	PLO 9	2	Mạch lạc, rõ ràng	Tương đối mạch lạc, rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Chưa rõ ràng
	CELO 6	PLO 10	2	Logic khoa học và lập luận	Lập luận logic, khoa học, mắc một số lỗi nhỏ	Lập luận dựa trên khoa học, có một sai lầm quan trọng	Lập luận không có cơ sở logic và khoa học
Interaction with audience	CELO 6	PLO 10	2	Tương tác tốt (Cử chỉ, ánh mắt, thái độ tiếp thu)	Tương tác khá tốt (Cử chỉ, ánh mắt, một số lỗi nhỏ về thái độ tiếp thu)	Tương tác thấp (Cử chỉ, ánh mắt, thái độ tiếp thu)	Không tương tác bằng ánh mắt và cử chỉ/ mắc một số sai lầm lớn
Question	CELO 1, 3, 4	PLO 4, 5, 8	2	Trả lời đầy đủ, rõ ràng, thỏa đáng các câu hỏi quan trọng.	Trả lời khá thỏa đáng hầu hết các câu hỏi quan trọng.	Trả lời khá thỏa đáng một số câu hỏi quan trọng nhưng vẫn còn nhiều câu hỏi chưa được giải đáp.	Trả lời sai tất cả các câu hỏi quan trọng.

Total scores							

Rubric 3: Content and format of report

Criteria	**CELOs**	**PLOs**	**Scores (10 points)**	**Excellent 100%**	**Good 75%**	**Fair 50%**	**Fail 0%**	**Marking**
Content	CELO 3, 4	PLO 4, 8	**4**	Đáp ứng đầy đủ, trọn vẹn mọi yêu cầu	Khá đầy đủ, đáp ứng khá đủ yêu cầu	Khá đầy đủ, đáp ứng tương đối yêu cầu	Không đầy đủ, không đáp ứng tất cả các yêu cầu	
Format	CELO 5	PLO 9	**2**	Trình bày logic, cụ thể, rõ ràng	Trình bày khá logic, cụ thể, rõ ràng	Trình bày khá logic, khá cụ thể, rõ ràng	Trình bày không logic, không cụ thể, không rõ ràng	`
Question	CELO 1	PLO 4	**4**	Trả lời đầy đủ, rõ ràng, thỏa đáng các câu hỏi quan trọng	Trả lời khá thỏa đáng hầu hết các câu hỏi quan trọng	Trả lời khá thỏa đáng một số câu hỏi quan trọng nhưng vẫn còn nhiều câu hỏi chưa được giải đáp.	**Trả lời sai tất cả các câu hỏi quan trọng.**	